

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải

Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - **Chị Đàm Hồng N, sinh năm 1986**

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ hiện nay: 1102, B, phố aiiomas ut 17/02/10, nước Hungary Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Anh Lý Văn L, sinh năm 1984**

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ nơi ở cũ: 04797 Nhà máy P, G-do, 124 Menari-gil (bangchuri 333-1). Hàn Quốc; Hiện nay cư trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Đàm Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn L kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh L tiếp tục đi nước ngoài, ít khi về nước và không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Năm 2020 chị đi lao động xuất khẩu tại H. Nay chị N xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Lý Văn L](#).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là [Lý Đức A](#), sinh ngày 14/6/2012 và [Lý Thiên A1](#), sinh ngày 07/10/2016, khi ly hôn chị [N](#) có nguyện vọng được nuôi con [Lý Thiên A1](#) còn cháu [Lý Đức A](#) giao cho anh [L](#) nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [N](#) không yêu cầu anh [L](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh [Lý Văn L1](#) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị [N](#) trình bày. Đối với việc chị [N](#) làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với chị [Đàm Hồng N](#).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là [Lý Đức A](#), sinh ngày 14/6/2012 và [Lý Thiên A1](#), sinh ngày 07/10/2016, anh [L1](#) xác định cả hai con chung đều khỏe mạnh, hiện nay anh đã trở về Việt nam sinh sống nên khi ly hôn anh [L1](#) xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị [N](#) cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh [L1](#) xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Đàm Hồng N](#), cho chị [N](#) được ly hôn với anh [Lý Văn L](#). Về con chung, giao 02 con chung là [Lý Đức A](#), sinh ngày 14/6/2012 và [Lý Thiên A1](#), sinh ngày 07/10/2016 cho anh [L](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do anh [L](#) không yêu cầu nên không xem xét. Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị [N](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị [Đàm Hồng N](#) là nguyên đơn có nơi đăng ký HKTT: [Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên](#). Nơi ở hiện tại: 1102, [B](#), phố aiiomas ut 17/02/10, nước [H](#), tại thời điểm chị [N](#) nộp đơn xin ly hôn và bản tự khai thì chị [N](#) đang ở Việt Nam và trực tiếp đến Toà án nộp đơn ly hôn, viết bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt. Anh [Lý Văn L](#) là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: [Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên](#), tại thời điểm thụ lý giải quyết vụ án anh [L](#) đang ở Hàn Quốc. Ngày 23/01/2024 anh [L](#) trở về Việt Nam và đến Toà án viết bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và viết đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của chị [Đàm Hồng N](#) và anh [Lý Văn L](#) nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của chị [N](#) và anh [L](#).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Chị N và anh L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Đàm Hồng N và anh Lý Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị N và anh L đều xác định là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn tình cảm vợ chồng. Chị N xin ly hôn anh L nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đàm Hồng N và anh Lý Văn L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Lý Văn L là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị Đàm Hồng N và anh Lý Văn L có 02 con chung là Lý Đức A, sinh ngày 14/6/2012 và Lý Thiên A1, sinh ngày 07/10/2016. Chị N và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, khi chị N và anh L đi làm việc tại nước ngoài thì các con chung của anh chị đều được ông bà nội là bố mẹ đẻ của anh L trực tiếp chăm sóc. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm anh L đã trở về Việt nam sinh sống cùng các con chung tại Xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của anh Lý Văn L đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Đàm Hồng N](#) đối với anh [Lý Văn L](#).

1. Về hôn nhân: Cho chị [Đàm Hồng N](#) được ly hôn anh [Lý Văn L](#).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là [Lý Đức A](#), sinh ngày 14/6/2012 và [Lý Thiên A1](#), sinh ngày 07/10/2016 cho anh [Lý Văn L](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị [Đàm Hồng N](#) có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [N](#) do anh [L](#) không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị [Đàm Hồng N](#) phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000009 ngày 09/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị [Đàm Hồng N](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh [Lý Văn L](#) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Trảng Xá, Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)
Lê Thị Hồng Phương